

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Võ Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 189/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ra M - sinh năm 1976 (có đơn vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn Tr - sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/5/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Ra M trình bày: Tôi và ông Đặng Văn Tr có tìm hiểu nhau được 6 tháng thì tiến tới hôn nhân vào năm 1995 và được cha mẹ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện nhưng vợ chồng tôi không có đăng ký kết hôn. Tôi sống hạnh phúc được 22 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa thuận, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay tôi xét thấy cuộc hôn nhân này không có hạnh phúc nên làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Đặng Văn Tr.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung tên Đặng Thiên A - sinh ngày 01/01/1996 và Đặng Thị H - sinh ngày 09/01/2003. Hiện nay cháu Đặng Thị H đang sống với chồng tôi nên tôi yêu cầu ông Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và tôi không cấp dưỡng nuôi con. Cháu A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đặng Văn Tr.

- Về con chung: Tôi xác định có 02 người con chung tên Đặng Thiên A - sinh ngày 01/01/1996 và Đặng Thị H - sinh ngày 09/01/2003. Hiện nay cháu Đặng Thị H đang sống với chồng tôi nên tôi yêu cầu ông Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và tôi không cấp dưỡng nuôi con. Cháu A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên, không yêu cầu thêm gì.

Tại bản tự khai đề ngày 26/8/2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn Tr trình bày: Tôi thống nhất với toàn bộ lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng năm kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung, về tài sản chung và nợ chung.

Nguyên vọng:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Ra M.

- Về con chung: Tôi đồng ý nuôi con Đặng Thị H – sinh ngày 09/01/2003 và không yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng nuôi con. Cháu A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tôi cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Ra M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của BLTTDS năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ra M xác lập quan hệ hôn nhân với ông Đặng Văn Tr vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện và không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá trình chung sống đến nay ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Ra M và ông Đặng Văn Tr là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Đặng Văn Tr và bà Nguyễn Ra M xác định có 02 người con chung tên Đặng Thiên A - sinh ngày 01/01/1996 và Đặng Thị H - sinh ngày 09/01/2003, hiện nay ông Tr đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H.

Tại các bản tự khai cũng như tại biên bản hòa giải ngày 03/9/2019 đều thể hiện bà M, ông Tr tự thỏa thuận là bà M đồng ý giao cháu Đặng Thị H cho ông Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và bà M không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu H cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với ông Tr khi ông bà ly hôn. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà là phù hợp theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX cần ghi nhận. Đối với cháu A đã trưởng thành và tự làm nuôi sống bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

Bà Nguyễn Ra M có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở bà thực hiện quyền này. Khi cần thiết, ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đặng Văn Tr không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ra M và ông Đặng Văn Tr đã tự nguyện thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Ra M và ông Đặng Văn Tr xác định vợ chồng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Ra M phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà M được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004225 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Ra M và ông Đặng Văn Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị H - sinh ngày 09/01/2003 cho ông Đặng Văn Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Nguyễn Ra M có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở bà thực hiện quyền này. Khi cần thiết, ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX miễn xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí HNST: 300.000 đồng bà Nguyễn Ra M phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà M được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp

trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004225 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Đặng Văn Tr biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 13/11/2019. Bà Nguyễn Ra M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn